TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HS- PT
Ngày 27/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quế

Các thẩm phán: Ông Dương Văn Bản và ông Hoàng Văn Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 126/2024/TLPT- HS ngày 01/11/2024 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 296/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo: Trịnh Văn Đ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2003 tại Thái Nguyên. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm C, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hoá: Lớp 10/12. Con ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị H1. Có vợ Trần Hương L và có 01 con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt tại phiên toà).

Người bào chữa cho bị cáo Đ: Ông Trần Văn N - Luật sư Công ty L2;

Địa chỉ: Số A Đường số C, Khu dân cư C, A P, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Diệu L1 không kháng cáo, tòa án không triệu tập.

Ngoài ra còn có bị cáo Phạm Tuấn Đ1 không kháng cáo, không bị kháng nghị tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 6/2024, Phạm Tuấn Đ1 thông qua mạng xã hội Telegram có mua của một nam giới không quen biết 10.000.000đ (mười triệu đồng) loại ma túy cần sa. Sau đó, Đ1 mang về nhà tại tổ F, phường Đ, thành phố T cất giấu với mục đích khi nào có khách hỏi mua sẽ chia nhỏ bán kiếm lời.

Khoảng 09 giờ ngày 14/6/2024, Trịnh Văn Đ gọi điện thoại từ số thuê bao 0973.383.142 đến số điện thoại 0865.575.119 của Đ1 hỏi mua 10 túi ma túy cần sa thì Đ1 đồng ý và hẹn Đ đến nhà Đ1 để giao dịch. Sau đó, Đ đi đến nhà Đ1 tại tổ F, phường Đ, thành phố T để nhận ma túy. Tại đây, Đ1 bán cho Đ 10 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa chất thảo mộc khô là ma túy cần sa với giá 1.500.000 đồng thì Đ nhận 10 túi cần sa trên nhưng hứa hẹn sẽ trả trước 1.000.000 đồng và nợ lại Đ1 500.000 đồng. Mua xong, Đ cầm theo 10 túi cần sa trên đi về nhà tại xóm C, xã P, thành phố T để cất giấu nhằm mục đích khi nào có khách hỏi mua sẽ chia nhỏ bán kiếm lời với giá 200.000 đồng/túi nhưng khi Đ đi trên đường đã làm rơi số cần sa trên mà chưa kịp bán cho khách để kiếm lời. Đến khoảng 13 giờ 45 phút ngày 15/6/2024, Đ sử dụng điện thoại di động đăng nhập ứng dụng M rồi sử dụng tài khoản Ngân hàng M số 0973383141 của Đ chuyển khoản số tiền 1.000.000đ đến tài khoản Ngân hàng M số 80000200288888 mang tên Phạm Tuấn Đ1 để thanh toán cho Đ1 số tiền mua ma túy ngày 14/6/2024 và nợ lại Đ1 500.000 đồng.

Đến khoảng 08 giờ ngày 16/6/2024, Đ tiếp tục gọi điện thoại từ số thuê bao 0973.383.142 đến số điện thoại 0865.575.119 của Đ1 hỏi mua 05 túi ma túy cần sa thì Đ1 đồng ý và hẹn Đ đến nhà Đ1 để giao dịch. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ đi đến nhà Đ1 tại tổ F, phường Đ, thành phố T để nhận ma túy. Tại đây, Đ1 bán cho Đ 05 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa chất thảo mộc khô là ma túy cần sa với giá 750.000 đồng. Mua xong, Đ cầm theo 05 túi cần sa trên đi về nhà tại xóm C, xã P, thành phố T để cất giấu nhằm mục đích khi nào có khách hỏi mua sẽ chia nhỏ bán kiếm lời với giá 200.000 đồng/ gói. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, Đ sử dụng điện thoại di động đăng nhập ứng dụng M rồi sử dụng tài khoản ngân hàng M số 0973383141 của Đ chuyển khoản số tiền 750.000đ đến tài khoản Ngân hàng M số 80000200288888 mang tên Phạm Tuấn Đ1 để thanh toán cho Đ1 số tiền mua ma túy ngày 16/6/2024.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, Đ mang theo 05 túi ma túy cần sa trên để bên trong túi vải màu trắng đeo trên người rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20B2-335.24 đi từ nhà đến khu vực phường Q, thành phố T để tìm xem có khách mua sẽ bán số ma túy trên để kiếm lời. Khi Đ đi đến khu vực gần nhà nghỉ H2 Tím đoạn thuộc tổ B, phường Q, thành phố T thì gặp tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T đang làm nhiệm vụ phát hiện có dấu hiệu liên quan đến ma túy nên yêu

cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Đ tự giác lấy từ túi vải màu trắng Đ đang đeo trên người 05 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi nilon đều chứa thảo mộc khô giao nộp cho tổ công tác. Đ khai nhận số chất thảo mộc khô trên là ma túy "Cần sa" của Đ đang mang đi bán cho khách nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ số chất thảo mộc khô của Đ theo quy định. Ngoài ra còn tạm giữ của Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 20B2-335.24 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.

Hồi 13 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Tuấn Đ1 đến Công an thành phố T đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Trịnh Văn Đ đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen mà Đ1 sử dụng để liên lạc, giao dịch mua bán cần sa với Đ.

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Tuấn Đ1 tại tổ F, phường Đ, thành phố T. Kết quả: Thu giữ 01 cân điện tử màu trắng tại mặt bàn trong phòng ngủ và 20 túi nilon màu trắng chưa qua sử dụng, kích thước 3x5cm tại mặt bàn trong phòng ngủ nhà của Đ1.

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 18/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Văn Đ tại xóm C, xã P, thành phố T. Kết quả: Không phát hiện thu giữ gì.

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 18/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng thảo mộc khô, màu xanh thu giữ của Trịnh Văn Đ có khối lượng là 4,912 gam. Niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 4644/KL-KTHS ngày 26/6/2024 của V - Bộ C kết luận: Mẫu thảo mộc khô ký hiệu A1 gửi giám định là Cần sa.

Tại Kết luận giám định số 842/KL-KTHS ngày 23/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Khối lượng số thảo mộc khô thu giữ ban đầu của Trịnh Văn Đ là 4,912 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Văn Đ và Phạm Tuấn Đ1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của Trịnh Văn Đ, Phạm Tuấn Đ1 phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, giá tiền, cách thức giao dịch mua bán trái phép chất ma túy và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, biên bản khám xét, đơn xin đầu thú, biên bản kiểm tra điện thoại, sao kê tài khoản ngân hàng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên: 01 (một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu 4644/KL-KTHS; 01 (một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu A2; 20 (*hai mươi*) vỏ túi nilon màu trắng; 01 (một) cân điện tử màu trắng; 01 (một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu Đ5, bên trong chứa 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen thu giữ của Phạm Tuấn Đ1; 01 (một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu Đ6, bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng giữ của Trịnh Văn Đ; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: Đen bạc; BKS: 20B2-335.24; đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Diệu L1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 296/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Tuyên bố Trịnh Văn Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Đ 7 (bẩy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/6/2024.

Ngoài ra Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử phạt bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/10/2024, bị cáo Trịnh Văn Đ kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng căn cứ vào Thông tư liên tịch số 17 ngày 24/12/2007 của BCA –VKSNDTC - TANDTC - BTP hướng dẫn là phải bán 02 lần trở lên, trong khi bị cáo chỉ bán 01 lần vào ngày 16/6/2024 nên bị cáo không phạm tội nhiều lần, bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì đã tự giác giao nộp số cần sa đang giữ và tố giác bị cáo Đ1. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại vì chưa bán được ma túy. Ông nội bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất và được Q1 vinh danh là Chiến sỹ Đ. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không bổ sung thêm.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng các lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và tại phiên toà sơ thẩm cũng như tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đều thừa nhận ngày 14/6/2024 bị cáo có mua ma tuý của Đ1 10 gói cần sa mang về để bán, nhưng trên đường mang về chưa kịp bán thì bị rơi mất. Như vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm. Lần mua ngày 16/6/2024 bị cáo cũng của Đ1 mang về nhằm mục đích bán nhưng chưa kịp bán thì bị bắt giữ. Như vậy lần bán ngày

16/6/2024 là lần thứ hai, nên việc truy tố xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong hạn luật định là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Trong các ngày 14/6/2024 và 16/6/2024 tại nhà của Phạm Tuấn Đ1 thuộc tổ F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Trịnh Văn Đ và Phạm Tuấn Đ1 đã thực hiện 02 lần mua bán trái phép chất ma túy cần sa. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 14/6/2024, Trịnh Văn Đ mua của Phạm Tuấn Đ1 10 túi cần sa với giá 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) với mục đích chia nhỏ bán lại kiếm lời với giá 200.000đồng/túi nhưng khi đi trên đường về Đ đã làm rơi số cần sa trên mà chưa kịp bán cho khách.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 16/6/2024, Trịnh Văn Đ mua của Phạm Tuấn Đ1 05 gói cần sa, khối lượng 4,912 gam với giá 750.000đ (bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) với mục đích chia nhỏ bán lại kiếm lời với giá 200.000 đồng/túi. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, Đ mang theo số cần sa trên đi bán cho khách nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác Công an thành phố T bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Căn cứ vào vật chứng thu giữ, biên bản mở niêm phong cân xác định khối lượng chất ma túy, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định; biên bản kiểm tra tra điện thoại, sao kê tài khoản ngân hàng, lời khai nhận tội của bị cáo tại các phiên tòa và các tài liệu khác có đủ căn cứ xác định bị cáo Trịnh Văn Đ có hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong hai ngày 14/6/2024 và ngày 16/6/2024 đều với mục đích về để bán lại cho khách nhằm thu lời bất chính. Tất cả các lần mua ma túy trên đều độc lập và rõ ràng về thời gian, không gian, địa diểm, cách thức giao dịch và đều đã thanh toán tiền mua ma túy giữa Đ và Đ1 với nhau. Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy. Toà án sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo mức án 07 năm 06 tháng tù là đúng người đúng tội, tuy nhiên mức hình phạt 07 năm 06 tháng là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp biên lai thu tiền án phí và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ

thẩm, như vậy thể hiện bị cáo ăn năn hối cải về những việc làm của mình nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm hình phạt cho bị cáo còn 07 năm tù là phù hợp nên cần sửa bản án sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với lời khai của bị cáo và các tình tiết diễn biến của sự việc. Lời đề nghị của luật sư giảm hình phạt cho bị cáo là có căn cứ nhưng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251 và điểm t, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ như đã phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 296/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Đ 07 (Bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2024.

2. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo đã nộp 5.200.000đ (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo biên lai số 0000845 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở tư pháp T. Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quế